

UBND TỈNH TÂY NINH
QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HTX
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/QĐ-QHTPTH TX

Tây Ninh, ngày 30 tháng 01 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế cho vay vốn đầu tư, vốn lưu động
và hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc của Quỹ hỗ trợ phát triển
hợp tác xã tỉnh Tây Ninh**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Hợp tác xã năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 05/5/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND ngày 02/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 1524/QĐ-UBND ngày 8/7/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Biên bản họp ngày 13/11/2014 của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Tây Ninh về lấy ý kiến dự thảo Quy chế cho vay vốn đầu tư, vốn lưu động và hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Tây Ninh;

Xét đề nghị của Giám đốc Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế cho vay vốn đầu tư, vốn lưu động và hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Tây Ninh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Liên minh HTX Việt Nam;
- Cơ quan phía Nam LMHTX VN;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu: Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ
CHỦ TỊCH**



Tây Ninh, ngày 30 tháng 01 năm 2015

QUY CHẾ

Cho vay vốn đầu tư, vốn lưu động và hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Tây Ninh

(Kèm theo Quyết định số: 02./QĐ-QHTPHTX ngày 30 tháng 01 năm 2015
của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Tây Ninh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về việc cho vay vốn đầu tư, vốn lưu động với lãi suất ưu đãi và hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Tây Ninh (sau đây gọi tắt là Quỹ) đối với Tổ hợp tác, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã (gọi chung là hợp tác xã, viết tắt là HTX) trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, có dự án đầu tư thuộc diện **hỗ trợ tài chính** của Quỹ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. “Dự án đầu tư” của HTX là tập hợp các đề xuất bỏ vốn ngắn, trung và dài hạn để tiến hành các hoạt động đầu tư cụ thể, trong khoảng thời gian xác định.

2. “Hỗ trợ tài chính” là việc Quỹ thực hiện hỗ trợ cho HTX một trong các hình thức cho vay đầu tư, hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc, viện trợ và tài trợ.

3. “Cho vay đầu tư” là hình thức vay có tổ chức hỗ trợ tài chính, theo đó Quỹ cho HTX vay một khoản tiền để sử dụng vào mục đích đầu tư theo quy định của Quy chế này trong thời gian nhất định, với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.

4. “Hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc” là khoản vốn được Quỹ hỗ trợ cho HTX sử dụng không tính lãi, nhưng phải trả phí theo quy định và hoàn trả vốn gốc theo cam kết trong hợp đồng giao nhận vốn.

5. “Hợp đồng tín dụng”, “Hợp đồng hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc” là hợp đồng kinh tế được ký bằng văn bản, quy định về việc cho vay đầu tư, hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc giữa Quỹ với HTX vay vốn.

6. “Thời hạn cho vay” là khoảng thời gian được tính từ khi HTX bắt đầu nhận vốn vay (giải ngân) cho đến thời điểm trả hết nợ gốc và lãi đã được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng giữa Quỹ và HTX.

7. “Kỳ hạn trả nợ” là khoảng thời gian trong thời hạn cho vay đã được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng giữa Quỹ và HTX, mà tại cuối mỗi khoảng thời gian đó HTX phải trả một phần hoặc toàn bộ vốn vay, lãi hoặc phí cho Quỹ.

8. “Cơ cấu lại thời hạn trả nợ” là việc Quỹ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ đối với các khoản nợ cho HTX.

9. “Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ” là việc Quỹ chấp thuận thay đổi kỳ hạn trả nợ gốc, lãi vay trong phạm vi thời hạn cho vay đã thỏa thuận trước đó trong Hợp đồng tín dụng, mà thời hạn cho vay cuối cùng không thay đổi.

10. “Gia hạn nợ” là việc Quỹ chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ gốc, lãi vượt quá thời hạn cho vay đã thỏa thuận trước đó trong hợp đồng tín dụng.

11. “Thời gian ân hạn” là khoảng thời gian HTX chưa phải trả nợ gốc, được tính từ khi bắt đầu HTX nhận vốn vay cho đến khi bắt đầu trả nợ khoản tiền gốc đầu tiên cho Quỹ.

12. “Khoanh nợ” là biện pháp tạm thời chưa thu nợ (gốc, lãi) trong một thời gian nhất định và không tính lãi trên số nợ gốc được khoanh trong thời gian đó.

13. “Xoá nợ” là biện pháp không thu nợ gốc, nợ lãi đối với khách hàng gặp rủi ro không có khả năng trả nợ sau khi đã áp dụng mọi biện pháp để tận thu và đã được xử lý nợ theo quy định.

14. “Khả năng tài chính của khách hàng vay” là khả năng về vốn, tài sản của khách hàng vay để bảo đảm hoạt động thường xuyên và thực hiện các nghĩa vụ thanh toán.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

CHO VAY ĐẦU TƯ VỚI LÃI SUẤT ƯU ĐÃI

Điều 3. Đối tượng cho vay đầu tư

1. Đối tượng cho vay đầu tư của Quỹ là các tổ hợp tác có tổ chức và hoạt động theo Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10/10/2007 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác và hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012, là thành viên của Liên minh HTX tỉnh (sau đây gọi tắt là chủ đầu tư), có giấy phép kinh doanh (đối với tổ hợp tác có Hợp đồng hợp tác được UBND xã, phường, thị trấn chứng thực), có trụ sở chính và tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ đầu tư có nhu cầu về vốn, có năng lực sản xuất, làm ăn có hiệu quả, có khả năng tạo dựng công việc sản xuất kinh doanh, giải quyết việc làm cho người lao động. Có phương án vay vốn đầu tư khả thi về: đầu tư thành lập mới HTX, đổi mới phát triển sản phẩm, đổi mới phát triển công nghệ kỹ thuật, phát

triển thị trường, mở rộng tiêu thụ sản phẩm, xây dựng, phát triển nhân rộng mô hình mới, mô hình điển hình tiên tiến, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Căn cứ khả năng nguồn vốn của Quỹ, nhu cầu vay vốn và định hướng phát triển kinh tế trong từng thời kỳ, Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã xem xét quy định danh mục ưu tiên cho vay trong từng thời kỳ.

Điều 4. Nguyên tắc cho vay đầu tư

Chủ đầu tư khi vay vốn của Quỹ đầu tư phát triển phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

1. Sử dụng vốn vay đúng mục đích đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng.
2. Hoàn trả nợ gốc và lãi vốn vay đúng thời hạn đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng.

Điều 5. Điều kiện cho vay đầu tư

Các HTX vay vốn cần đảm bảo các điều kiện sau:

1. Thuộc đối tượng được quy định tại Điều 3 của Quy chế này;
2. Có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật về dân sự;
3. Có đơn xin vay vốn đầu tư;
4. Có giấy phép kinh doanh hoặc giấy chứng nhận của UBND xã, phường, thị trấn;
5. Đang hoạt động và có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;
6. Mục đích sử dụng vốn vay hợp pháp;
7. Có khả năng tài chính đảm bảo trả nợ gốc, lãi trong thời gian cam kết;
8. Có dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khả thi và hiệu quả và đã hoàn thành các thủ tục theo quy định;
9. Có vốn chủ sở hữu tham gia vào dự án theo quy định với mức tối thiểu bằng 20% tổng mức đầu tư của dự án;
10. Có Nghị quyết của Hợp tác xã chấp thuận về việc vay vốn và cam kết sử dụng tiền vay đúng mục đích;
11. Có hồ sơ vay vốn được Quỹ thẩm định và chấp thuận;
12. Thực hiện đúng các thủ tục về bảo đảm tiền vay theo quy định tại điều 9 và quy chế bảo đảm tiền vay của Quỹ.

Điều 6. Hạn mức, thời hạn và thẩm quyền quyết định cho vay:

1. Hàng năm căn cứ vào khả năng huy động vốn của Quỹ, nhu cầu vay vốn của các HTX, Giám đốc Quỹ xây dựng kế hoạch huy động vốn, kế hoạch cho vay báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ xem xét phê duyệt.
2. Mức vốn cho vay đối với một dự án không vượt quá 80% tổng mức đầu tư và không vượt quá 1 tỷ đồng đối với một dự án lĩnh vực nông nghiệp và lĩnh

vực công thương; không quá 5 tỷ đồng đối với một dự án lĩnh vực xây dựng, giao thông vận tải; các lĩnh vực còn lại không quá 500 triệu đồng đối với một dự án.

3. Giám đốc Quỹ xem xét, quyết định mức vốn cho vay đến 300 triệu đồng; mức vốn cho vay trên 300 triệu đồng trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

4. Giám đốc Quỹ xem xét, quyết định thời hạn cho vay đối với từng dự án cụ thể trên cơ sở khả năng thu hồi vốn, khả năng trả nợ, nguồn vốn của Quỹ và phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của HTX, nhưng tối đa không quá 03 năm. Trường hợp trên 3 năm, Giám đốc Quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

5. Thẩm quyền quyết định cho vay:

Căn cứ kết luận của Chủ tịch Hội đồng thẩm định về kết quả thẩm định hồ sơ của dự án, Giám đốc Quỹ xem xét quyết định cho vay hoặc từ chối cho vay (đối với dự án thuộc thẩm quyền cho vay của Giám đốc) hoặc lập tờ trình trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định nếu dự án vượt thẩm quyền quyết định.

Điều 7. Lãi suất cho vay đầu tư

Lãi suất cho vay vốn của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về lãi suất cho vay vốn tín dụng nhà nước, cụ thể:

1. Lãi suất cho vay được tính bằng 60% lãi suất cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước bằng đồng Việt Nam;

2. Lãi suất cho vay vốn của một dự án được xác định tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng và cố định trong suốt thời hạn vay;

3. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ghi trong hợp đồng tín dụng.

Điều 8. Đồng tiền cho vay

Đồng tiền cho vay và trả nợ là đồng Việt Nam.

Điều 9. Bảo đảm tiền vay và xử lý tài sản đảm bảo để thu nợ

1. Bảo đảm tiền vay:

a) Chủ đầu tư phải dùng tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình, tài sản hình thành từ vốn vay hoặc hình thức đảm bảo tiền vay bằng các hình thức cầm cố, thế chấp, bảo lãnh tài sản hợp pháp của bên thứ ba hoặc dùng các giấy tờ có giá trị như: Sổ tiết kiệm, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu của các Ngân hàng thương mại, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để bảo đảm cho số tiền vay, tài sản đảm bảo tiền vay phải có giá trị lớn hơn hoặc bằng 120% số tiền vay;

b) Tài sản bảo đảm tiền vay, trình tự, thủ tục bảo đảm tiền vay, xử lý tài sản bảo đảm tiền vay thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo đảm tiền vay.

c) Trong trường hợp việc cho vay không có bảo đảm bằng tài sản phải được Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định trên cơ sở báo cáo, đề xuất của Giám đốc Quỹ;

d) Trong thời hạn chưa trả hết nợ vay, HTX không được chuyển nhượng hoặc thế chấp, cầm cố tài sản đảm bảo tiền vay để vay nơi khác.

2. Xử lý tài sản bảo đảm để thu nợ

a) Sau 90 ngày kể từ ngày chuyển sang nợ quá hạn, nhưng HTX vẫn có tình chây ì, không trả nợ thì Quỹ chuyển hồ sơ cho vay đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề nghị phát mại tài sản thế chấp theo quy định để thu hồi vốn vay. Trường hợp, nghiêm trọng đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự.

b) Số tiền thu hồi được từ việc xử lý tài sản đảm bảo tiền vay được ưu tiên thanh toán theo thứ tự: thu nợ gốc, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn.

Điều 10. Trả nợ gốc và lãi

1. Căn cứ vào đặc điểm sản xuất kinh doanh của từng dự án và khả năng trả nợ của HTX, Quỹ và HTX thỏa thuận về việc trả nợ gốc và lãi vốn vay như sau:

a) Các kỳ hạn trả nợ gốc;

b) Các kỳ hạn trả lãi vốn vay cùng với kỳ hạn trả nợ gốc hoặc theo kỳ hạn riêng;

2. Khi đến kỳ hạn trả nợ gốc hoặc lãi, nếu Chủ đầu tư không trả nợ đúng hạn và không được điều chỉnh kỳ hạn nợ gốc hoặc lãi hoặc không được gia hạn nợ gốc hoặc lãi, thì Quỹ chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn.

Điều 11. Hồ sơ vay vốn

1. Hồ sơ vay vốn của HTX gửi đến Quỹ bao gồm:

a) Hồ sơ pháp lý:

- + Biên bản Hội nghị thành lập Hợp tác xã.
- + Điều lệ tổ chức và hoạt động.
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao công chứng).
- + Nghị quyết Đại hội thành viên gần nhất.
- + Quyết định bổ nhiệm Kế toán trưởng.
- + Giấy chứng minh nhân dân của người đại diện (bản sao công chứng).
- + Các hồ sơ khác (nếu cần).

b) Hồ sơ dự án:

+ Hồ sơ dự án đầu tư sử dụng vốn vay, phương thức trả nợ vốn vay, tài liệu chứng minh nhu cầu vay vốn, sử dụng vốn vay, khả năng trả nợ là bản chính và giấy đề nghị (đơn xin) vay vốn của HTX.

+ Giấy phép xây dựng (nếu có).

+ Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc công suất của thiết bị, dây chuyền sản xuất, phòng cháy chữa cháy, quyết định phê báo cáo đánh giá tác động môi trường của đơn vị (nếu có).

c) Hồ sơ tài chính: Báo cáo tài chính, tài liệu chứng minh về khả năng tài chính, hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của HTX.

d) Hồ sơ đảm bảo tiền vay: giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản do cấp có thẩm quyền cấp về bảo đảm tiền vay theo quy định của nhà nước.

e) Các hồ sơ tài liệu khác có liên quan đến khoản vay.

2. Hồ sơ lưu trữ bao gồm tất cả hồ sơ quy định tại Khoản 1 Điều này và hồ sơ kiểm tra sử dụng vốn vay cùng các hồ sơ phát sinh sau quá trình giải ngân.

Điều 12. Thẩm định hồ sơ vay vốn:

1. Cơ sở pháp lý của chủ đầu tư:

- Đối với Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã phải thực hiện chuyển tiếp theo quy định Luật Hợp tác xã năm 2012;

- Đối với Tổ hợp tác được thành lập và tổ chức hoạt động phải đúng theo tinh thần Nghị định 151/2007/NĐ-CP ngày 10/10/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác và Thông tư số 04/2008/TT-BKH ngày 09/7/2008 của Bộ kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định 151/2007/NĐ-CP.

a) Thẩm định hồ sơ: Kiểm tra, đánh giá tính đầy đủ, tính hợp pháp, hợp lệ và nhất quán của hồ sơ vay vốn do HTX gửi.

b) Thẩm định Chủ đầu tư: Đánh giá uy tín, năng lực quản lý điều hành, tổ chức sản xuất, kinh doanh và khả năng triển khai thực hiện dự án của HTX.

c) Thẩm định mục đích sử dụng vốn vay; mức vốn đề nghị cho vay;

d) Thẩm định dự án đầu tư và kế hoạch trả nợ vốn vay: Đánh giá sản phẩm, thị trường, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đầu tư; tính khả thi của kế hoạch trả nợ vốn vay, các rủi ro gắn với khoản vay và phương án hạn chế rủi ro.

e) Thẩm định tài sản bảo đảm tiền vay: Đánh giá tính hợp pháp, giá trị và khả năng quản lý, chuyển nhượng của tài sản bảo đảm.

Căn cứ các tài liệu và phương án vay vốn của chủ đầu tư cung cấp, Cán bộ thẩm định lập báo cáo thẩm định về dự án vay vốn.

2. Tổ chức họp hội đồng thẩm định:

a) Hội đồng thẩm định căn cứ vào các tài liệu của chủ đầu tư cung cấp, các báo cáo tổng hợp của Quỹ đưa ra nhận xét và đánh giá tính khả thi, hiệu quả của phương án đầu tư, kiến nghị các vấn đề cần bổ sung (nếu có).

b) Thông qua kết luận của Hội đồng thẩm định về việc hỗ trợ cho vay đối với phương án đầu tư.

Điều 13. Hợp đồng tín dụng

1. Việc vay vốn của HTX tại Quỹ phải được lập thành hợp đồng tín dụng.
2. Hợp đồng tín dụng phải có những nội dung sau: tên, địa chỉ của bên cho vay (Quỹ) và bên vay (HTX), người đại diện, số tiền vay, mục đích sử dụng vốn vay, cách thức và tiến độ cấp vốn vay, lãi suất vay, phương thức và thời hạn thanh toán, giá trị và hình thức bảo đảm tiền vay, đồng tiền cho vay, việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, chuyển nợ quá hạn và tính lãi suất quá hạn, biện pháp xử lý tài sản bảo đảm tiền vay, quyền và nghĩa vụ của các bên và các cam kết khác được các bên thỏa thuận phù hợp với quy định pháp luật, các trường hợp chấm dứt hợp đồng cho vay trước thời hạn, xử lý vi phạm hợp đồng.

3. Đại diện ký hợp đồng tín dụng:

- a) Đối với Quỹ: Quỹ thông báo cho HTX ký hợp đồng tín dụng với Quỹ. Đại diện của Quỹ ký hợp đồng tín dụng là Giám đốc Quỹ hoặc người được ủy quyền.

- b) Đối với HTX: người đại diện của HTX để ký kết các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ là Giám đốc của HTX hoặc Tổ trưởng tổ hợp tác.

Điều 14. Quy trình giải ngân

1. Việc giải ngân khoản vay được thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký, phù hợp với tiến độ và nhu cầu sử dụng vốn vay của HTX. Mỗi lần giải ngân, người đại diện của HTX phải ký vào khế ước nhận nợ (giấy nhận nợ).

2. Chứng từ làm căn cứ giải ngân:

- a) Tài liệu, chứng từ chứng minh mục đích và tiến độ sử dụng tiền vay.
 - b) Khế ước nhận nợ (giấy nhận nợ).

3. Hình thức giải ngân khoản vay: tùy từng trường hợp cụ thể, Quỹ lựa chọn hình thức giải ngân phù hợp theo một hoặc đồng thời cả hai hình thức sau:

- a) Giải ngân bằng chuyển khoản vào tài khoản của bên cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho HTX, nếu HTX yêu cầu.

- b) Giải ngân bằng chuyển khoản vào tài khoản của HTX.

Điều 15. Theo dõi, kiểm tra, giám sát sau giải ngân

1. Quỹ có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của HTX, nhằm sớm cảnh báo và xử lý các tình huống rủi ro, đôn đốc HTX thực hiện đầy đủ những cam kết đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và sử dụng vốn của HTX.

2. Trong thời hạn cho vay, kể từ ngày giải ngân tiền vay, Quỹ (hoặc tổ chức tín dụng hoặc tổ chức tài chính được ủy thác cho vay) tiến hành kiểm tra mục đích sử dụng vốn, tình hình sản xuất, kinh doanh, tình trạng tài sản đảm bảo tiền vay, tình hình trả nợ, hiệu quả sản xuất kinh doanh.

3. Mỗi lần kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất phải lập biên bản kiểm tra xác định rõ mục đích sử dụng vốn, tình hình sản xuất, kinh doanh, tình trạng tài sản đảm bảo và tình hình trả nợ của HTX, các biện pháp xử lý nếu có dấu hiệu vi phạm pháp luật và Hướng dẫn này. Biên bản kiểm tra phải được lưu giữ trong hồ sơ tín dụng và các bên liên quan theo quy định.

Điều 16. Xử lý các khoản vay có dấu hiệu vi phạm

1. Quá trình theo dõi, giám sát, kiểm tra nếu phát hiện HTX có dấu hiệu vi phạm hoặc có những biểu hiện mất an toàn đối với khoản vay. Căn cứ vào tính chất, mức độ, tình hình hoạt động và khả năng trả nợ, Giám đốc Quỹ quyết định xử lý theo một trong các hình thức sau:

- a) Chuyển nợ quá hạn.
- b) Chấm dứt cho vay, thu hồi một phần hoặc toàn bộ nợ trước hạn.
- c) Chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật, khởi kiện HTX ra tòa để xử lý nợ theo qui định của pháp luật.
- d) Phát mại tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ.

2. Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ quy định cụ thể nội dung, trình tự, thủ tục xử lý đối với những khoản vay có dấu hiệu vi phạm.

Điều 17. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ

Cấp nào có thẩm quyền quyết định cho vay khoản nào thì quyết định việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khoản vay đó.

1. Hình thức cơ cấu nợ:

- a) Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ.
- b) Gia hạn nợ.

2. Điều kiện, thủ tục cơ cấu lại thời hạn trả nợ:

a) Các HTX được cơ cấu lại thời hạn trả nợ khi bị suy giảm khả năng trả nợ gốc, lãi theo thời hạn ghi trong hợp đồng tín dụng, nhưng có nguồn thu và được Quỹ đánh giá là có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và lãi theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại.

b) HTX phải có giấy đề nghị về việc gia hạn nợ (gốc, lãi), điều chỉnh kỳ hạn trả nợ (gốc, lãi) để Quỹ xem xét, thẩm định, giải quyết.

c) Việc thẩm định, xem xét, đánh giá việc cho cơ cấu lại thời hạn trả nợ tiến hành như đối với một khoản vay mới về các yếu tố:

+ Tình hình sản xuất, kinh doanh hiện tại của HTX và việc thực hiện dự án vay vốn.

+ Lý do cơ cấu lại thời hạn trả nợ, gia hạn nợ (đánh giá nguyên nhân chủ quan và khách quan).

+ Kế hoạch trả nợ, nguồn trả nợ của HTX trong thời gian dự kiến cơ cấu lại thời gian trả nợ.

+ Thẩm định lại tài sản bảo đảm tiền vay.

+ Thời hạn điều chỉnh kỳ hạn trả nợ tối đa bằng thời gian của kỳ hạn nợ tiếp theo.

3. Thời hạn gia hạn nợ tối đa bằng 1/3 thời hạn ghi trong hợp đồng tín dụng ban đầu.

Điều 18. Chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn

1. Giám đốc Quỹ quyết định chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi:

a) HTX sử dụng vốn sai mục đích.

b) HTX vi phạm hợp đồng tín dụng đã cam kết nhưng không khắc phục, sửa chữa.

c) HTX ngừng sản xuất, kinh doanh có thể dẫn đến mất khả năng thanh toán.

d) Quá trình tổ chức lại sản xuất, kinh doanh không xác định được người chịu trách nhiệm trước pháp luật về quan hệ vay vốn và trả nợ.

e) Tài sản bảo đảm tiền vay bị tẩu tán, hư hỏng, suy giảm giá trị, không còn khả năng đảm bảo cho khoản nợ.

f) Có diễn biến thất thường trong hoạt động của HTX, ảnh hưởng đến sự an toàn của khoản vay.

2. Quỹ thông báo bằng văn bản đến HTX về lý do, nội dung, của việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và thời hạn trả nợ.

Điều 19. Chuyển nợ quá hạn

1. Giám đốc Quỹ quyết định chuyển nợ quá hạn khi:

a) Khoản nợ (gốc, lãi) đến hạn nhưng HTX chưa trả được.

b) Sau thời hạn ghi trong thông báo thu hồi nợ gốc trước hạn, nhưng HTX chưa trả được.

2. Kể từ ngày chuyển sang nợ quá hạn, toàn bộ nợ gốc phải chịu mức lãi suất quá hạn theo quy định tại Khoản 3, Điều 7 của Quy chế này.

Điều 20. Khoanh nợ

1. Đối với những dự án gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, động đất, dịch bệnh) dẫn đến không có khả năng hoàn trả được một phần hoặc toàn bộ vốn vay đúng thời hạn, thì Giám đốc Quỹ xem xét đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ quyết định xử lý rủi ro theo hình thức khoanh nợ.

2. Thời gian khoanh nợ là 01 năm, trước khi khoanh nợ gốc, đơn vị vay phải trả nợ lãi đã phát sinh (trường hợp cụ thể do Chủ tịch Hội đồng quản lý quyết định). Trong thời gian khoanh nợ, đơn vị vay vốn không phải trả lãi phát

sinh từ số nợ được khoan, nhưng vẫn tính lãi trong hạn. Hết hạn khoan nợ, chủ dự án có trách nhiệm hoàn trả Quỹ đầy đủ số nợ gốc và khoản lãi còn nợ.

3. Hết thời hạn khoan nợ, nếu HTX cố tình chây ỳ không trả nợ, thì Quỹ chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật, khởi kiện bên vay ra tòa để xử lý nợ theo quy định của pháp luật.

4. Thủ tục khoan nợ thực hiện tương tự Điểm b và c, Khoản 2, Điều 17 của Quy chế này.

Điều 21. Xóa nợ

1. Đối với những dự án gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, động đất, dịch bệnh) dẫn đến không hoàn trả được một phần hoặc toàn bộ vốn vay (gốc và lãi), nhưng Chủ đầu tư của dự án không còn khả năng trả nợ sau khi đã tận thu mọi nguồn có khả năng thanh toán; hoặc hết thời hạn khoan nợ, HTX thực sự không còn khả năng trả nợ thì Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý theo quy định.

2. Thủ tục xóa nợ thực hiện tương tự điểm b và c, Khoản 2, Điều 17 của Quy chế này.

3. Việc xóa nợ lãi, xóa nợ gốc do Hội đồng quản lý Quỹ trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Mục 2

HỖ TRỢ CÓ HOÀN LẠI VỐN GỐC

Điều 22. Đối tượng hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc

1. Đối tượng được Quỹ xem xét hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc là các HTX có nhu cầu hỗ trợ, có phương án hoạt động khả thi để đổi mới và phát triển sản phẩm, đổi mới phát triển công nghệ, kỹ thuật; phát triển thị trường, mở rộng tiêu thụ sản phẩm; đầu tư thành lập mới; xây dựng, phát triển và nhân rộng mô hình mới, mô hình điển hình tiên tiến; đối với các dự án phúc lợi an sinh xã hội hoặc được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Căn cứ khả năng nguồn vốn của Quỹ, nhu cầu vay vốn và định hướng phát triển kinh tế trong từng thời kỳ, Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh xem xét quy định cụ thể danh mục ưu tiên hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc trong từng thời kỳ để Quỹ thực hiện.

Điều 23. Nguyên tắc hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc

Chủ đầu tư phải đảm bảo các nguyên tắc sau đây:

1. Sử dụng vốn hỗ trợ có hoàn lại đúng mục đích đã thoả thuận trong hợp đồng hỗ trợ vốn.

2. Hoàn trả vốn gốc và phí quản lý đúng thời hạn thoả thuận trong hợp đồng tín dụng.

Điều 24. Điều kiện hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc

Quỹ xem xét hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc khi các HTX bảo đảm được các điều kiện sau:

1. Thuộc đối tượng hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc quy định tại Điều 22 Quy chế này;
2. Có đơn xin hỗ trợ và phương án sản xuất kinh doanh;
3. Có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự và chịu trách nhiệm dân sự theo quy định của Pháp luật;
4. Hồ sơ xin hỗ trợ vốn được Quỹ thẩm định và chấp nhận;
5. Có khả năng tài chính và khả năng trả nợ trong thời hạn cam kết ghi tại hồ sơ đề nghị vay vốn hỗ trợ;
6. Phải đảm bảo nguồn vốn đối ứng tham gia đầu tư theo đúng cam kết đã xác định trong hồ sơ đề nghị xin hỗ trợ;
7. Thực hiện các quy định về đảm bảo tiền vay tại Điều 9 của Quy chế này và quy chế đảm bảo tiền vay tại Quỹ.

Điều 25. Thời hạn hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc

1. Thời hạn hoàn lại khoản hỗ trợ cho Quỹ là khoảng thời gian từ khi rút vốn lần đầu đến khi trả hết nợ vay (gốc và phí) theo Hợp đồng hỗ trợ đã ký kết;
2. Thời hạn hỗ trợ được xác định theo khả năng thu hồi vốn phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của phương án vay, khả năng trả nợ của đơn vị vay vốn hỗ trợ và khả năng nguồn vốn của Quỹ nhưng tối đa không quá 03 năm.

Điều 26. Phí quản lý cho hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc

Mức phí quản lý cho hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc do Quỹ thu của các HTX theo Hợp đồng hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc là 2%/năm/số tiền hỗ trợ.

Điều 27. Hạn mức hỗ trợ và thẩm quyền quyết định cho vay

1. Hạn mức hỗ trợ tùy thuộc vào từng dự án nhưng tối đa không quá 80% kinh phí thực hiện đối với một dự án.
2. Thẩm quyền quyết định hạn mức hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc của Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ:

a) Giám đốc Quỹ quyết định mức hỗ trợ từ 100 triệu đồng trở xuống, tối đa không quá 50% kinh phí thực hiện đối với một dự án và không quá 2% tổng vốn hoạt động của Quỹ.

b) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định mức hỗ trợ, tài trợ trên 100 triệu đồng, tối đa không quá 80% kinh phí thực hiện đối với một dự án và không quá 5% tổng vốn hoạt động của Quỹ. Trường hợp vượt quá 5% tổng vốn hoạt động của Quỹ phải được tập thể Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Hồ sơ, quy trình thẩm định hồ sơ vay hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc

Hồ sơ và quy trình thẩm định hồ sơ hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc thực hiện theo Điều 11 và 12 Quy chế này.

Điều 29. Hợp đồng hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc

Hợp đồng hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Điều kiện hỗ trợ;
- Mục đích sử dụng vốn hỗ trợ ;
- Phương thức hỗ trợ vốn;
- Số vốn hỗ trợ;
- Phí quản lý cho hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc;
- Thời hạn hỗ trợ vốn;
- Hình thức bảo đảm, giá trị tài sản bảo đảm;
- Phương thức trả nợ và những cam kết khác được các bên thỏa thuận.

Điều 30. Rủi ro và xử lý rủi ro

Trường hợp phương án được hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan bất khả kháng (thiên tai, động đất, dịch bệnh...), dẫn đến không hoàn trả được một phần hoặc toàn bộ vốn hỗ trợ thì được xem xét, xử lý rủi ro theo các hình thức: khoan nợ, xóa nợ;

1. Việc khoan nợ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ;

a) Thời hạn khoan nợ tối đa là 3 năm. Trong thời hạn khoan nợ, đơn vị được hỗ trợ không phải trả phí quản lý phát sinh, nhưng có trách nhiệm trả số phí quản lý còn nợ (nếu có). Hết hạn khoan nợ, đơn vị được hỗ trợ có trách nhiệm hoàn trả Quỹ đầy đủ số vốn gốc được khoan nợ.

b) Hết thời hạn khoan nợ, nếu đơn vị được hỗ trợ có điều kiện trả nợ nhưng cố tình chây ỳ không trả nợ thì Quỹ chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật, khởi kiện ra tòa án để xử lý nợ theo quy định của pháp luật; nếu đơn vị được hỗ trợ không còn khả năng trả nợ thì Quỹ xem xét để xử lý xóa nợ theo quy định.

2. Việc xóa nợ do Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ. Hình thức này áp dụng cho các trường hợp chủ đầu tư của dự án không còn khả năng trả nợ sau khi đã tận thu mọi nguồn có khả năng thanh toán.

Mục 3**CHO VAY VỐN LƯU ĐỘNG****Điều 31. Đối tượng cho vay vốn lưu động**

1. Đối tượng được Quỹ xem xét cho vay vốn lưu động là các HTX có nhu cầu vay vốn hoạt động, có phương án sản xuất kinh doanh khả thi để phát triển thị trường, mở rộng tiêu thụ sản phẩm.

2. Căn cứ khả năng nguồn vốn của Quỹ, nhu cầu vay vốn và định hướng phát triển kinh tế trong từng thời kỳ, Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh xem xét quy định cụ thể danh mục ưu tiên cho vay vốn lưu động trong từng thời kỳ để Quỹ thực hiện.

Điều 32. Nguyên tắc cho vay vốn lưu động

Chủ đầu tư phải đảm bảo các nguyên tắc sau đây:

1. Sử dụng vốn đúng mục đích đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng.
2. Hoàn trả gốc, lãi đúng thời hạn thoả thuận trong hợp đồng tín dụng.

Điều 33. Điều kiện cho vay vốn lưu động

Quỹ xem xét cho vay vốn lưu động khi các HTX bảo đảm được các điều kiện sau:

1. Thuộc đối tượng quy định tại Điều 31 Quy chế này;
2. Có đơn xin vay vốn và phương án sản xuất kinh doanh khả thi;
3. Có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự và chịu trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật;
4. Hồ sơ xin vay vốn được Quỹ thẩm định và chấp nhận;
5. Có khả năng tài chính và khả năng trả nợ trong thời hạn cam kết ghi tại hồ sơ đề nghị vay vốn;
6. Thực hiện các quy định về đảm bảo tiền vay tại Điều 9 của Quy chế này và quy chế đảm bảo tiền vay tại Quỹ.

Điều 34. Thời hạn cho vay vốn lưu động

Thời hạn cho vay vốn lưu động được xác định theo khả năng thu hồi vốn phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của phương án vay, khả năng trả nợ của đơn vị vay vốn hỗ trợ và khả năng nguồn vốn của Quỹ nhưng tối đa không quá 12 tháng.

Điều 35. Lãi suất cho vay vốn lưu động

Mức lãi suất cho vay vốn lưu động của Quỹ thực hiện theo Điều 7 Quy chế này.

Điều 36. Hạn mức vay vốn và thẩm quyền quyết định cho vay

1. Hạn mức vay vốn tùy thuộc vào từng phương án sản xuất kinh doanh nhưng tối đa không quá 80% kinh phí vốn lưu động cần thiết để thực hiện dự án.
2. Thẩm quyền quyết định hạn mức vay vốn lưu động của Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ:

a) Giám đốc Quỹ quyết định mức vay từ 300 triệu đồng trở xuống, tối đa không quá 50% kinh phí vốn lưu động thực hiện đối với một dự án và không quá 2% tổng vốn hoạt động của Quỹ.

b) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định mức vay trên 300 triệu đồng, tối đa không quá 80% kinh phí vốn lưu động thực hiện đối với một dự án và không quá 5% tổng vốn hoạt động của Quỹ. Trường hợp vượt quá 5% tổng vốn hoạt động của Quỹ phải được tập thể Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Hồ sơ, quy trình thẩm định hồ sơ vay vốn lưu động

Hồ sơ và quy trình thẩm định hồ sơ vốn lưu động thực hiện theo Điều 11 và 12 Quy chế này.

Điều 38. Hợp đồng tín dụng:

Thực hiện theo Điều 13 Quy chế này.

Điều 39. Rủi ro và xử lý rủi ro

Thực hiện theo Điều 16 Quy chế này.

Chương III
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quỹ có những quyền hạn và nghĩa vụ:

a) Quỹ có quyền:

+ Yêu cầu HTX cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu liên quan đến HTX, dự án đầu tư (phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ) khả thi, khả năng tài chính của HTX và của người bảo lãnh, việc triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi Quỹ quyết định cho vay;

+ Từ chối cho vay nếu thấy không đủ điều kiện vay vốn, dự án hoặc phương án vay vốn không có hiệu quả, không phù hợp với đối tượng, nguyên tắc của Quy chế này; không có khả năng hoàn trả nợ vay hoặc không có đủ tài sản thế chấp hoặc tài sản thế chấp không có khả năng phát mại theo quy định.

+ Kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của HTX; kiểm tra tài sản bảo đảm tiền vay khi cần thiết.

+ Chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn, chuyển nợ quá hạn khi phát hiện HTX cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký.

+ Khởi kiện HTX vi phạm hợp đồng tín dụng hoặc người bảo lãnh theo qui định của pháp luật;

+ Phát mại tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật nếu đến hạn trả nợ, mà HTX không trả được nợ và các bên không có thỏa thuận nào khác trong hợp đồng tín dụng;

+ Cơ cấu lại thời hạn trả nợ, chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn chuyển nợ quá hạn, khoan nợ, xóa nợ thực hiện theo quy định tại các Điều 17, 18, 19, 20, 21 của Quy chế này.

b) Quỹ có nghĩa vụ:

+ Thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

+ Lưu giữ, bảo quản hồ sơ vay vốn phù hợp với qui định của pháp luật.

2. HTX có những quyền hạn và nghĩa vụ:

a) Hợp tác xã có quyền:

+ Từ chối các yêu cầu của Quỹ không đúng với các quy định của pháp luật và thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng;

+ Khiếu nại, khởi kiện việc vi phạm hợp đồng tín dụng theo quy định của pháp luật.

b) Hợp tác xã có nghĩa vụ:

+ Cung cấp đầy đủ, kịp thời và trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp.

+ Sử dụng tiền vay đúng mục đích, thực hiện đúng các nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các cam kết khác;

+ Trả nợ gốc và lãi vốn vay theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

+ Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi không thực hiện đúng những thỏa thuận về việc trả nợ và thực hiện các nghĩa vụ bảo đảm nợ vay đã cam kết trong hợp đồng tín dụng.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 41. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Việc sửa đổi bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã quyết định.

2. Giám đốc Quỹ, Trưởng Ban kiểm soát, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ
CHỦ TỊCH**



S. Văn Nghi